

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUY TIÊN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23/6/2022

“V/v ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mạnh Xuân Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Nguyễn Minh Tuấn và bà Đỗ Thị Liên;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa:**  
Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn K, xã M, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn Yên Bình, xã Mộc Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Đoàn Thị L trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn T vào ngày 22/4/2010 tại UBND xã M, huyện D (nay là thị xã D), tỉnh Hà Nam trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói trong sinh hoạt và làm ăn kinh tế, từ đó tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống ly thân nhiều lần và lần gần đây nhất từ năm 2020 đến nay không quan tâm tới nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về phía bị đơn là anh Phạm Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên đã ban hành các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự, như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập phiên tòa gửi cho anh T biết đến Tòa án làm việc về việc chị L xin ly hôn. Tuy nhiên anh T không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình. Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương đến nơi làm việc của anh T làm việc, song anh T từ chối không làm việc với cán bộ Tòa án.

Theo kết quả xác minh, đại diện chính quyền địa phương cho biết: Chị Đoàn Thị L và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 22/4/2010 tại UBND xã M. Sau đó vợ chồng sống cùng gia đình anh T một thời gian mới xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh T thì địa phương không nắm rõ, chỉ biết thời gian khoảng từ năm 2020 đến nay thì chị L không ở với gia đình anh T mà về nhà bố mẹ của chị ở. Sau khi chính quyền địa phương nhận được các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập của Tòa án nhờ giao cho anh T nhưng anh T từ chối không hợp tác. Vợ chồng chị L có 03 con chung là cháu Phạm Quốc A, sinh ngày 22/3/2011, cháu Phạm Đức A1, sinh ngày 13/12/2013 và cháu Phạm Hữu K, sinh ngày 12/4/2017, hiện tại cháu Quốc A đang ở với anh T cùng ông bà nội, còn lại hai cháu đang ở với chị L. Nay chị L xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết. Ngoài ra, chính quyền địa cũng cho biết hiện tại anh T đang làm việc thời vụ cho Công ty cổ phần M, xã M, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

*Về con chung:* Chị L, anh T có 03 con chung là cháu Phạm Quốc A, sinh ngày 22/3/2011, cháu Phạm Đức A1, sinh ngày 13/12/2013 và cháu Phạm Hữu K, sinh ngày 12/4/2017. Hiện tại cháu Quốc A đang ở với anh T, các cháu A1 và K đang ở với chị L. Khi ly hôn, quan điểm của chị L xin nuôi cả ba con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Anh T chưa thể hiện quan điểm của mình về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng:* Nguyên đơn là chị Đoàn Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28,35,39,147, 227, 228, 238 BLTTDS; các Điều 51, 56; 58, 81, 82, 83 Luật HN&GD; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội. Xử lý hôn giữa chị Đoàn Thị L và anh Phạm Văn T. Về con chung: Giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Phạm Đức A1, sinh ngày 13/12/2013 và cháu Phạm Hữu K, sinh ngày 12/4/2017; giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc A, sinh ngày 22/3/2011 kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, T thành tự lập được. Chị L, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra xem xét, về án phí HNGD: Chị L phải chịu theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là chị Đoàn Thị L và bị đơn là anh Phạm Văn T. Tuy nhiên, chị L đã có Đơn xin xử vắng mặt. Riêng đối với anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị L và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện được UBND xã M, huyện D (nay là thị xã D), tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn ngày 22/4/2010.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị L, anh T chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị L cho rằng do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt và làm ăn kinh tế dẫn đến việc mâu thuẫn, từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh T.

Về phía anh T, mặc dù chưa thể hiện quan điểm của mình trước yêu cầu xin ly hôn của chị L. Song thông qua việc xác minh, thu thập chứng cứ trong vụ án thể hiện, anh T đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án trên, nhưng anh T không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa chị L và anh T được. Mặc khác, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh T ngoài việc không hợp tác với Tòa án, anh T cũng không đưa ra biện pháp nào thuyết phục chị L rút yêu cầu ly hôn của chị với anh T.

Do đó, căn cứ lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy mâu thuẫn về tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh T là có thật và đang tồn tại, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ khoảng năm 2020 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù kéo dài tình trạng ly thân của vợ chồng như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX có chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T cũng là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Phạm Quốc A, sinh ngày 22/3/2011, cháu Phạm Đức A1, sinh ngày 13/12/2013 và cháu Phạm Hữu K, sinh ngày 12/4/2017. Theo kết quả xác minh tại địa phương đều cho biết từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Quốc A ở với anh T, các cháu A1, K ở với chị L. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống và quyền lợi của các cháu, khi ly hôn HĐXX cần giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Phạm Đức A1, sinh ngày 13/12/2013 và cháu Phạm Hữu K, sinh ngày 12/4/2017; giao anh T trực tiếp nuôi

dưỡng cháu Phạm Quốc A, sinh ngày 22/3/2011 kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, T thành tự lập được. Chị L, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L, anh T được quyền chăm sóc và thăm hỏi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 58,81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Do đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56; 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

1. Xử lý hôn giữa chị Đoàn Thị L và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Đoàn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Phạm Đức A1, sinh ngày 13/12/2013 và cháu Phạm Hữu K, sinh ngày 12/4/2017; giao anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc A, sinh ngày 22/3/2011 kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, T thành tự lập được. Chị Đoàn Thị L, anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Chị Đoàn Thị L, anh Phạm Văn T được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị L, anh T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T, chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đoàn Thị L phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai số 0000730 ngày 04/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án.

Báo cho chị Đoàn Thị L, anh Phạm Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND Duy Tiên.
- Chi cục THA Duy Tiên.
- UBND xã M;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**MẠNH XUÂN HẢI**